

Bản án số: 594/2022/HS-ST
Ngày: 27-12-2022

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Ngô Ngọc Thắng

Thẩm phán: Ông Bùi Đức Nam

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Huỳnh Thái Ngân
2. Bà Võ Thị Thanh Tâm
3. Ông Bùi Hữu Hồng Hải

- Thư ký phiên tòa: Bà Đặng Thị Mỹ Phượng – Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Vũ Mai Diễm – Kiểm sát viên.

Trong ngày 27 tháng 12 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 844/2022/HSST ngày 26 tháng 10 năm 2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 5976/2022/QĐXXST-HS ngày 08 tháng 12 năm 2022 đối với:

- Bị cáo:

Võ Minh T; Giới tính: Nam; Sinh năm: 1983 tại Cần Thơ; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: khu vực T, phường T, quận T, thành phố Cần Thơ; Chỗ ở trước khi bị bắt: Khu phố E, thị trấn D, thành phố P, tỉnh Kiên Giang; Nghề nghiệp: Giám đốc Công ty TNHH T13; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Thiên chúa giáo; Trình độ học vấn: 12/12; Con ông Võ Minh T1 và con Lê Thị X; Hoàn cảnh gia đình: bị cáo chưa có vợ, chưa có con; Tiền án: không; Tiền sự: không;

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 01/6/2021 (bị cáo có mặt tại phiên tòa).

- Người bào chữa:

Luật sư Hồ Đình Hoàng M và Luật sư Trần Quốc K, thuộc Đoàn Luật sư Thành phố Hồ Chí Minh, làm việc tại Công ty L3 cùng bào chữa cho bị cáo Võ Minh T (Luật sư M có mặt tại phiên tòa, Luật sư K vắng mặt tại phiên tòa).

- Bị hại:

1) Công ty TNHH T14; Trụ sở: 8 B, Phường E, Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt tại phiên tòa).

2) Ông Trần Anh D, sinh năm 1967; trú tại: 3 B, Phường A, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt tại phiên tòa).

3) Công ty TNHH S3; trụ sở: 56/7 đường H, Khu phố A, phường H, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt tại phiên tòa).

4) Công ty TNHH MTV B1; trụ sở: Số nhà A P, Khu phố E, phường T, thành phố Đ, tỉnh Bình Phước.

Đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Bảo L – Giám đốc (có mặt tại phiên tòa).

5) Công ty TNHH T15; trụ sở chính: G T, phường T, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh; địa chỉ giao dịch: A Quốc lộ A, Khu phố C, phường A, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt tại phiên tòa).

6) Ông Nguyễn Tuấn K1; sinh năm 1978; nơi đăng ký HKTT: A32/23, Ấp A, xã B, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt tại phiên tòa).

7) Ông Nguyễn Thành P; sinh năm 1975; nơi đăng ký HKTT: 9 U, Phường B, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh; Chỗ ở: 1 Lô A, Chung cư D, đường số A, Khu phố C, phường H, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt tại phiên tòa).

8) Bà Võ Thùy T2; sinh năm 1987; nơi đăng ký HKTT: Số C N, phường M, thành phố L, tỉnh An Giang (vắng mặt tại phiên tòa).

9) Ông Huỳnh Trí Q; sinh năm 1986; nơi đăng ký HKTT: 468/15 Khu vực L, phường T, quận T, Thành phố Cần Thơ (có mặt tại phiên tòa).

10) Bà Nguyễn Thị Kim Y; sinh năm 1984; nơi đăng ký HKTT: ấp X, xã H, huyện Đ, tỉnh Long An (có mặt tại phiên tòa).

11) Công ty TNHH C1; trụ sở: ấp T, xã Đ, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

Đại diện theo pháp luật: Ông Huỳnh Văn Ú – Giám đốc (có mặt tại phiên tòa).

12) Ông Lê Minh P1; nơi đăng ký HKTT: ấp B, xã T, huyện C, tỉnh An Giang (vắng mặt tại phiên tòa).

13) Ông Nguyễn Hữu L1; nơi đăng ký HKTT: Số H S, phường A, Hồ N, tỉnh Đồng Tháp (vắng mặt tại phiên tòa).

14) Ông Bùi Thanh H; nơi đăng ký HKTT: Khu phố E, thị trấn D, thành phố P, tỉnh Kiên Giang (vắng mặt tại phiên tòa).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1) Ông Tô Đăng K2, sinh năm 1980; trú tại: B N, Phường G, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt tại phiên tòa).

2) Bà Nguyễn Thị Hồng K3, sinh năm 1987; trú tại: Tổ F, H, D, thành phố Hải Phòng; chỗ ở: F, chung cư P, P, Phường A, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt tại phiên tòa, vắng mặt phần tuyên án).

3) Ông Nguyễn Văn T3, trú tại: 8 đường T, phường T, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt tại phiên tòa).

4) Ông Hà Văn T4, sinh năm 1979; trú tại: 1 B, khu phố B, T, D, Bình Dương (có mặt tại phiên tòa, vắng mặt phần tuyên án).

5) Ông Nguyễn Trường S, sinh năm 1967; nơi đăng ký HKTT: E, xã T, huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt tại phiên tòa, vắng mặt phần tuyên án).

6) Công ty TNHH C2, trụ sở: B H, Phường F, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Từ ngày 27/7/2017 đến ngày 30/8/2017, Công an Q1 tiếp nhận các đơn tố giác về tội phạm của nhiều người dân và các Công ty tố cáo Võ Minh T, Giám đốc Công ty TNHH T13 (sau đây viết tắt là Công ty T13) có hành vi lừa đảo chiếm đoạt nhiều xe ô tô và tiền đặt cọc mua xe ô tô, bằng hình thức sử dụng pháp nhân Công ty T13 để ký kết hợp đồng mua bán, thỏa thuận dịch vụ để hứa hẹn mua bán và làm thủ tục đăng ký giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô; lợi dụng sự quen biết để hứa hẹn có khuyến mãi yêu cầu chuyển tiền mua xe nhằm chiếm đoạt.

Từ tháng 7/2016 đến tháng 7/2017, Công ty T13 làm ăn không hiệu quả và không sở hữu bất kỳ xe ô tô nào nhưng do cá nhân T đang vay nợ ngoài xã hội đến hạn phải trả nên T đã nảy sinh hành vi chiếm đoạt tiền của khách hàng với các hình thức sau: đại diện pháp nhân Công ty T13 ký kết các hợp đồng bán xe ô tô với 08 cá nhân, sau khi nhận tiền đặt cọc mua xe của khách thì chiếm đoạt, T không đặt mua xe tại bất kỳ nơi nào, nên đến thời hạn không có xe để giao và đưa ra nhiều lý do né tránh việc hoàn trả tiền hoặc giao xe; lấy tiền khách hàng đặt mua xe, nhưng khi nhận được xe thì không giao cho khách đã đặt mà bán cho người khác; nhận tiền khách đặt mua xe chiếm đoạt sử dụng cá nhân, không nộp về Công ty bán xe; thuê xe ô tô của Công ty TNHH T14, sau khi nhận được xe ô tô, T đem xe ô tô cầm cố, bán cho người khác chiếm đoạt tiền. Tổng số tiền Võ Minh T chiếm đoạt là: 3.667.534.000 đồng với hành vi cụ thể như sau:

1. Hành vi chiếm đoạt xe ô tô Honda City, biển số 51F-349.67 của Công ty TNHH T14 có trị giá là 500.000.000 đồng và số tiền 300.000.000 đồng của ông Trần Anh D:

Ngày 14/7/2017, Võ Minh T điện thoại đề nghị Trần Văn T5, Phó Giám đốc Công ty TNHH T14 cho thuê 02 xe ô tô tự lái để chở nhân viên đi du lịch từ ngày 14/7/2017 đến ngày 24/7/2017 và được ông T5 đồng ý. Cùng ngày 14/7/2017, ông T5 cùng người trong Công ty đem 02 xe ô tô (01 xe hiệu Kia Morning 1.2AT,

biển số 51F-608.95 và 01 xe ô tô hiệu Honda City 1.5AT, biển số 51F-349.67) đến Văn phòng Công ty T13 để ký hợp đồng cho thuê xe và giao xe cho T với giá thuê là 15.000.000 đồng/10 ngày/02 xe (trong đó: xe Kia Morning giá thuê 600.000 đồng/ngày, xe Honda giá thuê 900.000 đồng/ngày). Để đảm bảo cho việc thuê xe, T giao T5 xe gắn máy hiệu Atilla, màu vàng, biển số 59V1-287.24, số khung RLGKA12CD-9D018690, số máy VMVT3A-D-018690, đã qua sử dụng, để thế chấp. T cam kết chuyển khoản thanh toán tiền thuê xe, nhưng không thực hiện.

Ngay sau khi nhận được 02 xe ô tô thuê nêu trên, ngày 17/7/2017, thông qua mối quan hệ ngoài xã hội, Trọng liên hệ bà Nguyễn Thị Hồng K3, ngụ tại 5 C, Phường A, Quận C, Tp ., thỏa thuận thế chấp xe ô tô Kia Morning để vay số tiền 100.000.000 đồng. Khi hết thời hạn thuê chiếc xe Kia Morning của Công ty T14 thì ông T5 đòi lại xe nên đến ngày 20/11/2017, T trả 45.000.000 đồng cho bà K3 để nhận lại xe ô tô Kia M1 và hoàn trả xe lại cho ông T5, số tiền còn lại T cam kết trả góp cho bà K3.

Đối với chiếc xe Honda City: vào ngày 01/7/2017, T đứng tên đại diện Công ty T13 ký Hợp đồng bán xe ô tô Mazda màu trắng, biển số 51F-708.55 cho ông Tô Đăng K2, ngụ tại B N, Phường G, quận B, Tp Hồ Chí Minh. với tổng giá trị 400.000.000 đồng. Nhưng đến ngày 20/7/2017, T gọi điện thoại trao đổi với K2 đề nghị hoán đổi xe Mazda để lấy xe Honda City, đồng thời T sẽ trả bù lại cho K2 100.000.000 đồng thì ông K2 đồng ý. Ngày 21/7/2017, ông K2 chạy xe Mazda đến quán cà phê trên đường B, quận B để đổi xe Honda City của T giao và nhận lại 100.000.000 đồng, kèm hóa đơn giá trị gia tăng số 0000095, ngày 21/7/2017 nội dung: Công ty T13 bán xe cho Tô Đăng K2, 01 xe ô tô Honda City, biển số 51F-349.67, giá tiền: 272.272.272 đồng, thuế GTGT: 27.272.728 đồng, tổng số tiền là 300.000.000 đồng. Vì đã đem xe Honda City bán, khi đến thời hạn trả xe, T tắt điện thoại, đóng cửa văn phòng, qua kiểm tra định vị (GPS), ông T5 phát hiện xe bị mất tín hiệu. Ngày 19/8/2017, ông T5 phát hiện T đang đi trên đường, đã giữ và báo Cơ quan công an, đồng thời tố cáo toàn bộ sự việc như trên.

Về phía ông Tô Đăng K2 và ông Trần Anh D trình bày: mua xe ô tô từ Trọng để về sử dụng cho cá nhân, ông D nhờ ông K2 đứng tên trên Hợp đồng mua bán xe, dự định khi tiến hành công chứng ông D sẽ trực tiếp ký kết. Khi mua xe, T cho biết nguồn gốc xe đã mua lại từ người khác và xe khách ký gửi cho Công ty để bán. Tuy nhiên, sau khi nhận xe ô tô Honda City, biển số 51F-349.67, đến thời hạn ra văn phòng công chứng ký hợp đồng mua bán chính thức, ông D được ông K2 thông báo chưa được liên hệ được T, văn phòng Công ty của T cũng đóng cửa, nên ông D tự quản lý, bảo quản xe trên tại nhà riêng. Qua làm việc với Cơ quan Công an, được biết nguồn gốc xe Honda City không phải của T, nên tố cáo Võ Minh T về hành vi lừa đảo chiếm đoạt số tiền 300.000.000 đồng từ việc bán xe này. Quá trình điều tra, ngày 28/5/2019, ông Trần Anh D đã tự nguyện giao nộp xe ô tô Honda City, biển số 51F-349.67 cho Cơ quan Cảnh sát điều tra, Công an Thành phố Hồ Chí Minh để giao trả xe ô tô Honda City, biển số 51F-349.67 cho Công ty T14 vào ngày 03/10/2019.

Ngày 20/7/2019, ông Trần Văn T5 đã tự nguyện giao nộp cho Cơ quan điều tra chiếc xe gắn máy hiệu SYM, nhãn Atilla, màu vàng, biển số 59V1-287.24 mà T đã giao cho ông T5 khi thuê xe.

Bà Nguyễn Thị Hồng K3 trình bày: Ngày 18/7/2017, có ký kết hợp đồng thuê xe ô tô Kia Morning, biển số 51F-608.95 của T, đặt cọc 100.000.000 đồng, thời gian thuê từ ngày 18/7/2017 đến ngày 28/7/2017, nhận xe kèm 01 bản photo giấy đăng ký xe, 01 bản chính giấy đăng kiểm, 01 bản chính bảo hiểm. Về nguồn gốc xe ô tô trên, T cho bà K3 biết: đây là xe ô tô của khách hàng gửi bán, cho thuê nên T có quyền giao xe cho thuê. Đến ngày 28/7/2017, K3 đem xe ô tô Kia Morning đến Công ty T13 hoàn trả, được nhân viên Công ty cho biết nhiều ngày T không đến công ty. Đến tháng 11/2017, T điện thoại và đề nghị bà K3 cho xin nhận lại xe ô tô Kia Morning vì sợ chủ xe kiện, nhưng bà K3 không đồng ý vì T chưa hoàn trả đủ số tiền 100.000.000 đồng. Từ ngày 10/11/2017 đến ngày 20/11/2017, T hoàn trả cho bà K3 số tiền 45.000.000 đồng và cam kết trả góp số tiền nợ còn lại và bà K3 không tố cáo đến Cơ quan điều tra.

Kết luận định giá tài sản trong tố tụng hình sự số 314/KLGD ngày 25/8/2017 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự Quận 12: Xe ô tô Honda City, biển số 51F-349.67 có trị giá 500.000.000 đồng.

Kết luận giám định số 4362/KLGD-X(Đ6), ngày 19/6/2019, của Phòng Kỹ thuật hình sự, Công an Tp. Hồ Chí Minh, xác định: xe ô tô Honda City, biển số 51F-349.67, có số khung RLHGM6662FY600496, số máy L15Z1-2300496, không thay đổi.

Kết luận giám định số 1146/KLGD-TT ngày 11/10/2018; số 766/KLGD-TT ngày 24/5/2019, của Phòng Kỹ thuật hình sự, Công an Tp. Hồ Chí Minh đối với các mẫu gửi giám định hợp đồng thuê xe, hợp đồng mua bán xe, hóa đơn giá trị gia tăng, xác định: chữ ký, chữ viết họ tên “Võ Minh T” trên các tài liệu cần giám định là do cùng một người ký và viết ra; mẫu dấu tròn có nội dung “CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ Ô TÔ PHÚ TRỌNG - M.S.D.N: 0313648141 - C.T.T.N.H.H - QUẬN 12 - TP. HỒ CHÍ MINH” trên các tài liệu cần giám định do cùng một con dấu đóng ra.

Kết quả xác minh tại Ngân hàng H7, chi nhánh H8 được biết: Ngày 13/10/2015, ông Trần Văn T5 và bà Nguyễn Ngọc Xuân U cùng ngụ tại 2 P, Phường E, Quận E9, Thành phố Hồ Chí Minh có thể chấp xe ô tô Honda City 1.5 CVT, màu: Trắng ngà; số máy: L15Z1 2300496; số khung: RLHGM6662FY600496, chất lượng mới 100%; biển số 51F-349.67, để vay số tiền là 480.000.000 đồng của Ngân hàng H7, Chi nhánh H8, thời hạn vay từ 60 tháng và đã được Trung tâm đăng ký giao dịch, tài sản tại Thành phố Hồ Chí Minh cấp Giấy chứng nhận đăng ký giao dịch bảo đảm, hợp đồng. Thực hiện theo hợp đồng, đến tháng 12/2018, ông T5 và bà U đã trả cho Ngân hàng H7, Chi nhánh H8 với tổng số tiền 328.000.000 đồng, hiện còn dư nợ là 152.000.000 đồng.

Đối với xe gắn máy hiệu SYM, nhãn Atilla, màu vàng bạc, biển số 59V1-287.24, T khai nhận đã mua lại tại một cửa hàng xe máy cũ, không nhớ địa chỉ cụ thể, đến nay T vẫn chưa hoàn tất thủ tục sang tên đổi chủ.

Bà Nguyễn Thị Mai H1 khai: xe gắn máy, hiệu SYM, nhãn Atilla, màu vàng bạc, biển số 59V1-287.24, có số khung CD9D-018690, số máy T3AD-018690 thuộc sở hữu của con gái là Nguyễn Thị Ngọc H2, do trước đây H2 có nhờ bà H1 đứng tên trên Giấy đăng ký xe số 019773. Do không còn nhu cầu sử dụng, H2 đã bán xe gắn máy này, nên bà H1 có đến Văn phòng công chứng để ký hợp đồng mua bán, do quá lâu nên toàn bộ hợp đồng đã bị thất lạc, đồng thời bà H1 cũng không nhớ đã bán cho cá nhân nào và ký hợp đồng mua bán tại văn phòng công chứng nào.

Kết quả xác minh tại Phòng Cảnh sát giao thông, Công an Tp. Hồ Chí Minh được biết: xe gắn máy, hiệu SYM, nhãn Atilla, màu vàng bạc, biển số 59V1-287.24, có số khung CD9D-018690, số máy T3AD-018690 được cấp cho Nguyễn Thị Mai H1, ngụ tại 6 H, Phường A, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh.

Kết luận giám định số 6564/KLGD-X(Đ6), ngày 29/8/2019 của Phòng Kỹ thuật hình sự, Công an Thành phố Hồ Chí Minh, xác định: xe gắn máy, biển số 59V1-287.24, có số khung RLGKA12CD-9D018690, số máy VMVT3A-D-018690, không thay đổi.

Kết quả định giá tài sản trong tố tụng hình sự Tp . Hồ Chí Minh kết luận xe gắn máy SYM biển số 59V1-287.24 có trị giá 2.913.000 đồng.

Xác minh tại Chi cục thuế Quận 12: Công ty T13 được cấp mã số thuế 0313648141, hiện Công ty T13 đã ngừng hoạt động kinh doanh nhưng chưa hoàn thành thủ tục chấm dứt hiệu lực mã số thuế. Ngày 06/11/2017, Chi cục thuế Quận 12 đã ra thông báo số 12697/TB-CCT về người nộp thuế không hoạt động tại địa chỉ đã đăng ký. Qua tra cứu trên hệ thống kê khai thuế qua mạng của cơ quan thuế; thông báo phát hành hóa đơn ngày 01/4/2016 và báo cáo tình hình sử dụng hóa đơn Quý 1/2017 ngày 22/4/2017 của Công ty T13 được biết 172 tờ hóa đơn GTGT có ký hiệu mẫu 01GTKT3/001, ký hiệu hóa đơn PT/16P từ số 0000079 đến số 00000250 không còn giá trị sử dụng, do Công ty T13 không còn hoạt động.

Tại Cơ quan điều tra, Võ Minh T thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội nêu trên: do đang nợ tiền cá nhân ngoài xã hội nhiều, không có khả năng thanh toán; nên nêu lý do thuê xe của ông T5 để đưa nhân viên Công ty đi du lịch, nhưng thực chất là đem xe đi cầm cố cho Nguyễn Thị Hồng K3 và bán cho Tô Đăng K2, Trần Anh D để lấy tiền sử dụng cá nhân. T có điện thoại xin ông T5 cho thời gian để khắc phục, nhưng chỉ hứa hẹn, không thực hiện vì không có khả năng hoàn trả, sau đó bỏ trốn. Khi ký hợp đồng thuê xe, nhận thức rõ không được đem xe đi thế chấp, cầm cố hoặc bán cho người khác với bất kỳ hình thức nào khác là vi phạm pháp luật.

Như vậy, thông qua việc thuê xe, Võ Minh T đã chiếm đoạt xe ô tô Honda City, biển số 51F-349.67 của Công ty T14 có trị giá 500.000.000 đồng và thông

qua việc ký hợp đồng bán xe, T đã chiếm đoạt của ông Trần Anh D số tiền 300.000.000 đồng.

2. Hành vi chiếm đoạt 02 xe ô tô VEAM của Công ty TNHH S3 có trị giá 677.034.000 đồng:

Vào năm 2016, Võ Minh T có thỏa thuận miệng với ông Lê Đình T6, là Giám đốc Công ty TNHH S3 (sau đây viết tắt Công ty S3), trụ sở tại 56/7 đường HT45, KP1, phường H, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh cho T nhận tìm khách để giới thiệu bán xe ô tô, hiệu VEAM của Công ty S3 nhằm hưởng tiền hoa hồng. Theo thỏa thuận nếu tìm được khách hàng mua xe, T phải thanh toán cọc số tiền từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng thì Công ty giao xe (không kèm theo giấy tờ xe), sau khi T thanh toán đủ tiền giá trị xe xuất xưởng, Công ty sẽ ký hợp đồng mua bán và giao toàn bộ hồ sơ, chứng từ cho khách hàng gồm: giấy xuất xưởng, giấy đăng kiểm xe, hóa đơn giá trị gia tăng.

Thực hiện thỏa thuận nêu trên, ngày 07/10/2016, T chuyển khoản số tiền 10.000.000 đồng vào tài khoản số 0281000259732 của Công ty S3 mở tại Ngân hàng V1 để làm tin. Đến tháng 4/2017, nêu lý do cần trưng bày xe ô tô Veam tại văn phòng Công ty T13 để cho khách hàng thuận tiện xem xe, T điện thoại đề nghị ông T6 chuyển 02 xe ô tô hiệu Veam loại VT100MB; loại VT260MB về trưng bày và được ông T6 đồng ý. Từ ngày 12/4/2017 đến ngày 20/4/2017, T tiếp tục chuyển thêm số tiền 30.000.000 đồng vào tài khoản của Công ty S3. Ngày 10/5/2017 và ngày 28/6/2017, T cho nhân viên qua Công ty S3 nhận 01 xe ô tô hiệu Veam VT100MB, màu xanh, có số khung RN1A1B1C7FLC02029, số máy: D4BFF810160 và 01 xe ô tô hiệu Veam, loại VT260MB, có số khung RN1D1B1B6HLM02405, số máy: D4BHG828921. Ngày 30/6/2017, ông Lê Đình T6, Giám đốc Công ty S3 và Võ Minh T, Giám đốc Công ty T13 lập hợp đồng mua bán số 17378-1/TP/HĐMB-2017, với nội dung: Công ty S3 bán cho Công ty T13 01 xe ô tô hiệu Veam VT260MB, màu xanh, có số khung RN1D1B1B6HLM02405, số máy: D4BHG828921, với tổng số tiền 440.000.000 đồng (bao gồm thuế GTGT). Theo nội dung hợp đồng, T sẽ thanh toán số tiền 20.000.000 đồng để cọc và thanh toán số tiền còn lại sau 07 ngày để nhận hồ sơ xe. Đối với chiếc xe ô tô Veam VT100MB, có số khung RN1A1B1C7FLC02029, số máy: D4BFF810160, vì tin tưởng T nên chưa ký hợp đồng.

Sau đó, Công ty S3 đã cử nhân viên đến Công ty T13 để yêu cầu T thanh toán tiền thì phát hiện văn phòng đóng cửa, cắt liên lạc. Tuy vậy, T có vài lần liên hệ với Công ty S3 cho biết 02 xe ô tô của Công ty đã thế chấp cho ông H3, ngụ tại T, Quận B, không rõ nhân thân lai lịch và đề nghị cho thời gian để lo tiền chuộc xe về cho Công ty, nhưng sau đó T không thực hiện. Nghi ngờ T có dấu hiệu bỏ trốn chiếm đoạt 02 ô tô này nên ngày 19/8/2017, ông T6 đã đến Công an phường Thạnh Xuân, Quận 12 để tố cáo.

Về phía Võ Minh T khai: sau khi thỏa thuận và nhận được 02 xe của Công ty S3, T thông qua mối quan hệ quen biết ngoài xã hội và liên hệ với ông Châu Ngọc H4, ngụ tại 9 đường số A, phường B, Quận B, Tp. Hồ Chí Minh, để chào

bán 02 xe ô tô hiệu Veam, loại VT100MB, VT260MB với tổng số tiền 600.000.000 đồng, trong đó: xe ô tô Veam VT260MB bán giá 400.000.000 đồng và xe ô tô Veam VT100MB bán giá 200.000.000 đồng thì ông H4 đồng ý. T yêu cầu cung cấp thông tin để lập hợp đồng, ông H4 cho biết: Tạ Hùng T7 đứng tên trên hợp đồng mua bán xe ô tô Veam VT100MB và Nguyễn Đức V đứng tên trên hợp đồng mua bán xe ô tô Veam VT260MB, từ đó T sử dụng pháp nhân Công ty T13 lập hợp đồng mua bán xe ô tô số 89/2017/OTOPT-VEAM, không ngày, tháng, năm 2017, xuất hóa đơn giá trị gia tăng số 0000088 ngày 29/6/2017 có nội dung: Công ty T13 bán cho Nguyễn Đức V, ngụ tại 0 N, phường G, quận N, thành phố Hải Phòng 01 xe ô tô tải hiệu Veam VT260MB; số khung: RN1D1B1B6HLM02405, với tổng số tiền là 400.000.000 đồng (đã bao gồm thuế GTGT) và hợp đồng mua bán xe ô tô số 68/2017/OTOPT-VEAM, xuất hóa đơn giá trị gia tăng số 0000093, cùng ngày 14/7/2017, có nội dung: Công ty T13 bán cho Tạ Hùng T7, ngụ tại 2 Miếu H, phường D, quận L, thành phố Hải Phòng 01 xe ô tô tải hiệu Veam VT100MB; số khung: RN1A1B1C7FLC02029; số máy: D4BFF810160, với tổng số tiền là 200.000.000 đồng (đã bao gồm thuế GTGT). Sau đó, T lần lượt chạy 02 xe ô tô trên qua đường T, Quận B (không rõ địa chỉ cụ thể) giao cho T7 và V nhận tiền, giao kèm hợp đồng mua bán xe và hóa đơn giá trị gia tăng, nhưng do T chỉ lập 01 bản hợp đồng nên không có bản lưu hợp đồng. Tuy nhiên đến nay T vẫn không có khả năng thanh toán số tiền còn lại cũng như không hoàn trả xe ô tô lại cho Công ty S3.

Đối với ông Châu Ngọc H4, ngụ tại 9 đường số A, phường B, Quận B, khai: Thông qua mối quen biết ngoài xã hội nên ông H4 có quen biết với Võ Minh T làm nghề kinh doanh mua bán xe ô tô. Khoảng tháng 6/2017, T có điện thoại, cho biết đang có 01 xe ô tô tải mới cần bán giá tốt là 400.000.000 đồng so với thị trường là 430.000.000 đồng, nên đề nghị ông H4 mua, sau đó ông H4 có đến Công ty T13 xem xe nhưng không mua. Sau đó ông H4 gặp Tạ Hùng T7 là anh em quen biết ngoài xã hội, qua nói chuyện biết T7 đang có nhu cầu mua xe tải nên ông H4 đã cho số điện thoại của T để liên hệ mua xe. T tiếp tục điện thoại cho ông H4 chào bán 01 xe ô tô tải với giá 200.000.000 đồng, do không có nhu cầu nên ông H4 đã từ chối mua xe, mà giới thiệu cho T7 để liên hệ với T, còn cụ thể T7 có mua xe ô tô hay giới thiệu cho V mua xe ô tô không thì ông H4 hoàn toàn không biết. Ông H4 không biết gì về nguồn gốc các xe ô tô mà T chào bán, nhưng có thấy T đặt xe ô tô tải trưng bày tại văn phòng Công ty, và ông cũng không biết rõ nhân thân lai lịch của T7 và V.

Kết quả ủy thác điều tra của Công an quận N và Công an quận L, thành phố Hải Phòng, được biết:

- Nguyễn Đức V, sinh năm 1982, có đăng ký hộ khẩu tại 0 N, phường G, quận N, Tp .. Đến năm 2017 cắt khẩu chuyển về địa chỉ: 1 Chung cư G P, Phường A, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Xác minh tại Công an P2, quận B: Nguyễn Đức V có đăng ký hộ khẩu thường trú tại căn hộ S Lô D, Chung cư G, P, Phường A, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh. Hiện V đã bán nhà và không còn cư trú tại địa phương.

- Tạ Hùng T7, sinh năm 1978, có đăng ký hộ khẩu tại 2 Miếu H, phường D, quận L, thành phố Hải Phòng. Hiện nay T7 không có mặt tại địa phương, được biết T7 đã vào Thành phố Hồ Chí Minh để sinh sống và làm việc nhưng không biết rõ nơi ở cụ thể. Do đó Cơ quan Cảnh sát điều tra, Công an quận L chưa lấy lời khai được.

Hiện Cơ quan Cảnh sát điều tra, Công an Thành phố Hồ Chí Minh đã đăng báo truy tìm người đối với Tạ Hùng T7 và Nguyễn Đức V, nhưng chưa có kết quả.

Kết quả định giá tài sản số 7189/KL-HĐĐGTS, ngày 23/10/2018 của Hội đồng định giá tài sản thường xuyên trong tố tụng hình sự Thành phố Hồ Chí Minh, kết luận: xe ô tô tải hiệu Veam VT100MB, màu xanh, số khung RN1A1B1C7FLC02029; số máy: D4BFF810160, sản xuất năm 2015, theo giá thị trường vào thời điểm tháng 6/2017, có trị giá là 274.867.000 đồng; Xe ô tô tải hiệu Veam VT260MB, màu xanh, số khung RN1D1B1B6HLM02405; số máy: D4BHG828921 sản xuất năm 2017 theo giá thị trường vào thời điểm tháng 6/2017, có trị giá là 402.167.000 đồng.

Kết luận giám định số 1146/KLGD-TT ngày 11/10/2018; số 766/KLGD-TT ngày 24/5/2019, của Phòng Kỹ thuật hình sự, Công an Thành phố Hồ Chí Minh đối với các mẫu gửi hóa đơn giá trị gia tăng số 0000088 ngày 29/6/2017; số 0000093, ngày 14/7/2017 xác định: chữ ký, chữ viết họ tên “Võ Minh T” trên các tài liệu cần giám định là do cùng một người ký và viết ra; mẫu dấu tròn có nội dung “CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ Ô TÔ PHÚ TRỌNG - M.S.D.N: 0313648141 - C.T.T.N.H.H - QUẬN 12 - TP. HỒ CHÍ MINH” trên các tài liệu cần giám định do cùng một con dấu đóng ra.

Như vậy, Võ Minh T đã thực hiện hành vi chiếm đoạt 02 xe ô tô hiệu Veam, loại VT100MB và loại VT260MB nêu trên của Công ty S3 có tổng trị giá: 677.034.000 đồng (274.867.000 đồng + 402.167.000 đồng).

3. Hành vi chiếm đoạt số tiền 450.000.000 đồng của Công ty TNHH MTV B1 và chiếm đoạt 1/2 trị giá xe ô tô Isuzu của Công ty TNHH T15 là 193.500.000 đồng:

Vào tháng 7/2017, Công ty TNHH MTV B1 (sau đây viết tắt là Công ty B1) có nhu cầu cần mua xe ô tô tải hiệu Isuzu để phục vụ kinh doanh, thông qua tìm kiếm trên mạng internet ông Nguyễn Bảo L - Giám đốc Công ty điện thoại liên hệ Trọng để mua xe ô tô, sau khi được T tư vấn, ngày 18/7/2017, T đã sử dụng pháp nhân Công ty T13 lập, ký hợp đồng mua bán xe ô tô số 054/2017/OTOPT-ISUZU để bán xe ô tô tải hiệu Isuzu, QKR55H1T9, tình trạng mới 100%, lắp ráp tại Việt Nam, sản xuất năm 2017, màu trắng với giá 450.000.000 đồng và dịch vụ đăng ký xe với giá 15.000.000 đồng. Sau khi lập, ký hợp đồng và thỏa thuận nêu

trên, T đã chụp ảnh gửi qua email cho ông L để yêu cầu ông L chuyển tiền thanh toán. Tin là thật, ngày 19/7/2017, ông L chuyển khoản số tiền 450.000.000 đồng vào tài khoản số 89683898 của Công ty T13 mở tại Ngân hàng V2 và T hứa đến ngày 26/7/2017 và 31/7/2017 sẽ giao xe. Ngay sau khi nhận được tiền của Công ty B1 thì trong ngày 19/7/2017, T đã sử dụng: chuyển khoản 222.000.000 đồng cho Công ty TNHH T15 ½ trị giá xe ô tô theo Hợp đồng mua bán số 596/HĐMB-2017 ngày 14/7/2017 (hợp đồng đã được ký kết trước đó với bà Trần Lê H5 - Giám đốc Công ty T15) và nhận xe nhưng do chưa thanh toán đủ nên Công ty T15 không giao bộ hồ sơ gốc của xe. Số tiền còn lại đã nhận của Công ty B1, T đã tiêu xài cá nhân.

Nhưng do trước đó vào ngày 25/4/2017, Võ Minh T sử dụng pháp nhân Công ty T13 ký hợp đồng bán xe ô tô Isuzu số 35/2017/OTOPT - ISUZU cho ông Nguyễn Văn T3, ngụ tại 8 đường T T, phường T, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh với giá trị 435.000.000 đồng và ông T3 đã thanh toán nhiều lần với tổng số tiền 305.000.000 đồng cho T. Nhưng số tiền này T đã sử dụng cá nhân, nên không có tiền lấy xe về giao ông T3, nên khi T chuyển khoản ½ trị giá xe và nhận xe từ Công ty T15 thì T đã giao xe (không có bộ hồ sơ gốc của xe) cho ông T3. Đến thời hạn thanh toán ½ trị giá xe còn lại cho Công ty T15, đến thời hạn giao xe cho Công ty B1 và đến thời hạn giao hồ sơ gốc xe cho ông T3 thì T đã khóa tắt điện thoại, đóng cửa văn phòng Công ty bỏ trốn.

Sau đó, ông T3 nhận được thông báo của bà Tô Thị G, bộ phận bán hàng của Công ty T15 cho biết sự việc và đề nghị ông T3 liên hệ với Công ty T15 để thỏa thuận cùng giải quyết. Sau khi thỏa thuận, ông T3 đã thanh toán thêm cho Công ty T15 với số tiền 130.000.000 đồng và nhận được bộ G1 gốc xe để tiến hành đăng ký xe. Khi nhận giấy tờ xe, do không có hộ khẩu thường trú tại Tp ., ông T3 đã nhờ bà Nguyễn Thị C và ông Nguyễn Văn T8 là người quen đứng tên hộ để làm thủ tục đăng ký xe. Sau đó, ngày 16/01/2018, Phòng C3 cấp Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 339857, cấp cho bà Nguyễn Thị C và ông Nguyễn Văn T8 đứng tên sở hữu xe ô tô, hiệu ISUZU, loại QKR55H, màu trắng, số khung RLE1KR55HH7101495; số máy: 3A8627, mang biển số 51C-969.36. Đến tháng 7/2020, ông T3 không còn nhu cầu sử dụng nên đã chuyển nhượng xe ô tô này cho ông Nguyễn Trường S theo Hợp đồng ủy quyền, ngày 11/7/2020, do Văn phòng C4 chứng nhận. Tiếp đó, ngày 18/8/2020, ông S đã bán lại xe ô tô này cho ông Hà Văn T4 theo Hợp đồng mua bán xe đã được Văn phòng C4 chứng nhận. Khi tiến hành làm thủ tục sang tên, được Phòng C3 cho biết xe ô tô này đã bị Cơ quan Cảnh sát điều tra, C5 (theo Công văn số 2791/PC46-Đ9 ngày 20/6/2018 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Thành phố Hồ Chí Minh về việc hỗ trợ truy tìm vật chứng của vụ án).

Ngày 07/6/2021, Bà Trần Lê H5 có Công văn xác nhận, hiện Công ty T15 còn thiệt hại 125.000.000 đồng và đề nghị Cơ quan điều tra hỗ trợ giải tỏa ngăn chặn xe nhằm đảm bảo quyền lợi cho khách hàng đã mua xe Công ty. Nhưng vào ngày 08/6/2021, Công ty T15 lại có đơn xin rút đơn tố cáo, do đã thương lượng giải quyết số tiền 125.000.000 đồng, để tạo điều kiện thuận lợi cho khách hàng.

Kết quả định giá tài sản số 6841/KL-HĐĐGTS, ngày 24/11/2021 của Hội đồng định giá tài sản thường xuyên trong tổ tụng hình sự Thành phố Hồ Chí Minh, kết luận: xe ô tô tải Isuzu mang biển số 51C-969.36, mới 100%, chưa qua sử dụng, loại QKR55H, màu trắng, số khung RLE1KR55HH7101495, số máy 3A8627, sản xuất năm 2017, theo giá thị trường vào thời điểm tháng 6/2017, có trị giá 387.000.000 đồng.

Tại Cơ quan điều tra, ông Nguyễn Bảo L, ông Nguyễn Văn T3, bà Nguyễn Thị C, ông Nguyễn Trường S, Công ty T15 và Võ Minh T khai nhận phù hợp với nội dung kết quả điều tra. Toàn bộ số tiền nhận của Công ty B1, của ông T3 thì T đã sử dụng tiêu xài cho cá nhân, đến nay bản thân T chưa thể khắc phục được.

Ông Nguyễn Bảo L, đại diện Công ty B1, khai: Sau khi T thực hiện hành vi lừa đảo chiếm đoạt số tiền 450.000.000 đồng, vào năm 2019, T có chuyển hoàn trả 5.000.000 đồng cho ông L, còn lại 445.000.000 đồng chưa hoàn trả.

Như vậy, thông qua việc bán xe, Võ Minh T đã chiếm đoạt của Công ty B1 số tiền là 450.000.000 đồng và thông qua việc mua xe T đã chiếm đoạt của Công ty T15 ½ giá trị chiếc xe ô tô Isuzu, mới 100%, loại QKR55H, màu trắng, số khung RLE1KR55HH7101495, số máy 3A8627, sản xuất năm 2017 theo kết quả định giá của Hội đồng định giá thường xuyên trong tổ tụng hình sự là 193.500.000 đồng.

4. Hành vi sử dụng pháp nhân Công ty T13 ký kết các hợp đồng mua bán xe, thỏa thuận dịch vụ để chiếm đoạt tổng số tiền 1.267.000.000 đồng của 08 cá nhân:

4.1. Tháng 7/2016, ông Nguyễn Tuấn K1, ngụ tại A ấp A, xã B, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh đến Công ty T13 để tìm mua xe ô tô tải Hyundai HD72. Được Võ Minh T tư vấn và sử dụng pháp nhân Công ty T13 ký kết hợp đồng mua bán và thỏa thuận dịch vụ cùng số 63/2016/OTOPT-HYUNDAI ngày 12/7/2016, để mua xe ô tô tải Hyundai HD72, mới 100%, lắp ráp tại Việt Nam với tổng số tiền 720.000.000 đồng, phí dịch vụ làm giấy tờ 19.000.000 đồng. Từ ngày 12/7/2016 đến ngày 14/6/2017, ông K1 và em trai là Nguyễn Khắc B đã nhiều lần nộp tiền với tổng số tiền 234.000.000 đồng, và số tiền còn lại, T báo sẽ làm thủ tục để ông K1 mua xe theo hình thức vay tiền ngân hàng mua trả góp. Tuy vậy, sau đó, ông K1 còn 02 lần trực tiếp đến Công ty T13 để nộp tổng số tiền là 140.000.000 đồng nên tổng số tiền mà ông K1 chuyển cho T là 374.000.000 đồng. Quá thời hạn giao xe, ông K1 và ông B đến tìm T thì Công ty T13 không mở cửa, gọi điện thoại thì T tắt máy nên đã báo Công an.

Tại Cơ quan Cảnh sát điều tra, Võ Minh T khai: sau khi nhận tiền của ông K1, T đã sử dụng chuyển 50.000.000 đồng cho Công ty TNHH Ô để đặt mua xe Hyundai HD72 và chuyển số tiền 30.000.000 đồng cho Công ty TNHH C2, để cọc đặt đóng thùng xe Hyundai HD72 cho ông K1. Tại phiên tòa, T xác nhận đã chiếm đoạt của ông Nguyễn Tuấn K1 tổng số tiền là 374.000.000 đồng và đến nay chưa hoàn trả.

Kết quả xác minh:

Ông Nguyễn Thành Nhất L2, Giám đốc Công ty TNHH Ô khai: ngày 11/8/2016, có nhận của T số tiền 50.000.000 đồng đặt cọc để xin nhận 01 xe ô tô tải Hyundai HD72 về Công ty T13 trưng bày, quảng cáo, giới thiệu cho khách. Đến ngày 19/10/2016, T đã hoàn trả lại xe ô tô và Công ty Ô đã hoàn lại số tiền 50.000.000 đồng cho T. Do đó, giữa Công ty Ô và T không còn liên quan đến công nợ.

Ông Nguyễn Viết H6, Giám đốc Công ty TNHH C2 khai: có nhận chuyển khoản 30.000.000 đồng của Công ty T13 để nộp tiền cọc đóng thùng chuyên dùng cho xe ô tô Hyundai HD72 theo hợp đồng cung cấp số 82/2016/HĐMB-KD, ngày 01/8/2016, với trị giá 95.000.000 đồng (bao gồm thuế GTGT). Tuy nhiên sau khi thực hiện xong, ông H6 đã yêu cầu T đem xe đến để lắp thùng, nhưng T không thực hiện và đến nay T vẫn chưa thanh toán số tiền còn lại 65.000.000 đồng cho Công ty C2.

4.2. Ông Nguyễn Thành P, ngụ 8 U, Phường B, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh có đến Công ty T13 đặt cọc mua xe hiệu Hyundai I10, Võ Minh T, đại diện Công ty T13 ký Hợp đồng mua bán xe ô tô và thỏa thuận dịch vụ số 45/2017/OTOPT-HYUNDAI ngày 15/5/2017, loại xe Grand I10 Sedan Base, 1.2L-MT, tình trạng mới 100%, máy xăng, 5 số sàn, màu bạc, tổng giá trị 413.000.000 đồng, giá đã bao gồm thuế giá trị gia tăng. Ông P đã nộp và chuyển khoản cho Công ty T13 tổng cộng 200.000.000 đồng, sau đó ngày 13/7/2017 T lập Biên bản thông báo ngày giao xe cho ông P là 18/7/2017. Nhưng đến hạn T vẫn không có xe giao cho ông P, nên ngày 25/7/2017 hai bên ký Biên bản hủy hợp đồng, T hẹn hoàn trả số 200.000.000 đồng cho ông P hạn cuối vào ngày 31/7/2017. Tuy vậy, đến hạn, T không thanh toán, cũng không liên hệ được, ông P đến Công ty T13 phát hiện bị đóng cửa, nên trình báo Công an. Đến năm 2019, T có chuyển khoản trả lại cho ông P 5.000.000 đồng, hiện vẫn còn chiếm đoạt của ông P 195.000.000 đồng.

Tại Cơ quan điều tra, T khai: sau khi nhận tiền cọc 200.000.000 đồng của ông P, đã chuyển số tiền 5.000.000 đồng cho Công ty Cổ phần T16 để đặt mua xe ô tô Hyundai I10.

Nhưng qua xác minh, bà Bùi Thị Thạch T9, Công ty T16 khai: có nhận số tiền 5.000.000 đồng từ T để cọc mua xe, tuy nhiên đến thời hạn, T không thanh toán số tiền còn lại, không nhận xe. Do đó ngày 04/10/2017, Công ty đã hoàn trả số tiền trên cho T.

Ngoài ra, từ tháng 4 đến tháng 7/2017, cùng thủ đoạn tương tự, Võ Minh T đã sử dụng pháp nhân Công ty T13 ký kết nhiều Hợp đồng mua bán xe ô tô và thỏa thuận dịch vụ với các cá nhân: Võ Thùy T2, Huỳnh Trí Q, Nguyễn Thị Kim Y, Huỳnh Văn Ú, Lê Minh P1, Nguyễn Hữu L1 để thỏa thuận mua bán xe ô tô, tuy nhiên T không thực hiện việc đặt cọc mua xe với các hãng xe, mà sử dụng tiền nhận đặt cọc của khách hàng để chiếm đoạt tiêu xài cho cá nhân, sau đó bỏ trốn, cụ thể:

4.3. Ngày 18/4/2017, Võ Minh T ký Hợp đồng mua bán xe ô tô số 24/2017/OTOPT-VEAM và Thỏa thuận dịch vụ số 24/2017/OTOPT-VEAM với bà Võ Thùy T2, lập Phiếu thu số PT003 ngày 22/6/2017 nhận số tiền 132.000.000 đồng, sau đó T đã hoàn trả được 5.000.000 đồng, còn 127.000.000 đồng không hoàn trả.

4.4. Ngày 04/5/2017, Võ Minh T ký Hợp đồng mua bán xe ô tô số 41/2017/OTOPT-TMT và Thỏa thuận dịch vụ số 41/2017/OTOPT-TMT với ông Huỳnh Trí Q với giá 286 triệu đồng, ông Q đã chuyển khoản số tiền 86.000.000 đồng vào tài khoản Công ty T13, sau đó T hoàn trả lại 5.000.000 đồng, còn 81.000.000 đồng không hoàn trả.

4.5. Ngày 12/5/2017, Võ Minh T ký Hợp đồng mua bán xe ô tô số 42/2017/OTOPT-SUZUKI và Thỏa thuận dịch vụ số 42/2017/OTOPT-SUZUKI với bà Nguyễn Thị Kim Y, lập Phiếu thu số PT008 ngày 16/5/2017 nhận số tiền 170.000.000 đồng, sau đó T đã hoàn trả được 95.000.000 đồng, còn lại 75.000.000 đồng không hoàn trả.

4.6. Ngày 20/5/2017, Võ Minh T ký Hợp đồng mua bán xe ô tô số 038/2017/OTOPT-SUZUKI và Thỏa thuận dịch vụ số 38/2017/OTOPT-SUZUKI với ông Huỳnh Văn Ú - Đại diện Công ty TNHH C1 và đã chuyển khoản cho Công ty T13 65.000.000 đồng.

4.7. Ngày 09/7/2017, Võ Minh T ký Hợp đồng mua bán xe ô tô số 39/2017/OTOPT-HYUNDAI và Thỏa thuận dịch vụ số 39/2017/OTOPT-SUZUKI với ông Lê Minh P1 và đã chuyển khoản cho Công ty T13 100.000.000 đồng, sau đó T hoàn trả được 5.000.000 đồng, còn lại 95.000.000 đồng không hoàn trả.

4.8. Ngày 10/7/2017, Võ Minh T thỏa thuận bán 01 xe ô tô tải hiệu DONGBEN, trọng tải 870kg, giá 170.000.000 đồng cho ông Nguyễn Hữu L1, từ ngày 10 đến ngày 21/7/2017, ông L1 đã nộp và chuyển khoản cho Công ty T13 140.000.000 đồng, sau đó T hoàn trả được 5.000.000 đồng, còn lại 135.000.000 đồng không hoàn trả.

Kết luận giám định số 5504/KLGD-TT ngày 05/11/2021 của Phòng K4, Công an T đối với Hợp đồng mua bán xe ô tô, thỏa thuận dịch vụ, phiếu thu tiền do Công ty TNHH T13, Võ Minh T ký là do cùng một người ký ra.

Xác minh tại Ngân hàng V2, Chi nhánh S4, được biết: Tài khoản số 89683898 cấp cho Công ty P3 do Võ Minh T đứng tên làm chủ tài khoản và sử dụng. Theo bảng sao kê tài khoản từ ngày 04/8/2016 đến ngày 21/7/2017, tài khoản này có nhận chuyển khoản tiền của các cá nhân mang tên Võ Thùy T2, Huỳnh Trí Q, Nguyễn Thành P, Huỳnh Văn Ú, Lê Minh P1 và Nguyễn Hữu L1 chuyển tiền để đặt cọc mua xe.

Võ Minh T thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội và khai: Toàn bộ số tiền 1.267.000.000 đồng T chiếm đoạt của 08 cá nhân nêu trên, đã sử dụng tiêu xài hết cho cá nhân. Các nhân viên tên Võ Hồ Thanh N, Phạm Thị Thùy T10, Hoàng Thị

S1 (không rõ nhân thân lai lịch) đều không biết hoạt động phạm tội của T, các nhân viên này chỉ thực hiện việc lập phiếu thu tiền cho khách hàng theo yêu cầu của T. Quá trình bỏ trốn, T có chuyển trả 5.000.000 đồng cho Huỳnh Trí Q; 5.000.000 đồng cho Lê Minh P1; 5.000.000 đồng cho Nguyễn Thành P; 5.000.000 đồng cho Võ Thùy T2; 5.000.000 đồng cho Nguyễn Hữu L1 và 95.000.000 đồng cho Nguyễn Thị Kim Y để khắc phục. Hiện số tiền 1.147.000.000 đồng còn lại không còn khả năng khắc phục.

5. Hành vi chiếm đoạt số tiền 280.000.000 đồng của ông Bùi Thanh H:

Khoảng tháng 6/2020, Võ Minh T bỏ trốn đến thành phố P, tỉnh Kiên Giang sinh sống, T xin việc và được tuyển dụng vào Công ty TNHH MTV Ô1 (hãng xe M2). Tháng 3/2021, T tư vấn mua xe ô tô cho ông Bùi Thanh H và vợ là Võ Thị Hồng T11, đồng ý đặt mua xe MG ZS phiên bản STD màu trắng với giá 519.000.000 đồng. T đã nói dối về việc chuyển tiền vào tài khoản để T ra giao dịch thì được khuyến mãi nhiều, nên từ ngày 05/4/2021 đến ngày 31/5/2021, ông H 03 lần chuyển tiền vào tài khoản cá nhân của Võ Minh T số 613080003000001 mở tại Ngân hàng N1 với tổng số tiền là 490.000.000 đồng (trong đó lần 1: chuyển 10.000.000 đồng thì T đã chuyển cho công ty nhằm đặt cọc mua xe cho ông H; lần 2: chuyển 280.000.000 đồng, T không chuyển cho công ty mà sử dụng cá nhân; lần 3: chuyển 200.000.000 đồng thì T lại chuyển số tiền này cho công ty).

Vào ngày 01/6/2021, T bị Phòng Cảnh sát kinh tế, Công an Thành phố Hồ Chí Minh bắt giữ. Sau đó, ông H có liên hệ Công ty Ô1 thì được biết T chỉ mới chuyển cho Công ty số tiền 210.000.000 đồng, số tiền còn lại 280.000.000 đồng T đã chiếm đoạt sử dụng cho cá nhân, nên ông H làm đơn tố cáo T tại Cơ quan Công an.

Kết quả xác minh tại Công ty TNHH MTV Ô1, được biết: Võ Minh T được tuyển dụng vào làm nhân viên tư vấn bán hàng tại bộ phận kinh doanh của Công ty từ ngày 22/6/2020. Ngày 06/4/2021, Công ty có ký hợp đồng mua bán xe ô tô số 0304/HĐMB-MGPU/2021, trị giá 519.000.000 đồng với khách hàng Võ Thị Hồng T11. Do đây là khách hàng của T nên Công ty đã chuyển hợp đồng cho T để đưa cho khách hàng ký tên và thanh toán tiền. Tuy nhiên khách hàng T11 vẫn chưa ký kết hợp đồng. Ngày 20/4/2021, T có chuyển khoản số tiền 10.000.000 đồng vào tài khoản của Công ty để đặt cọc mua xe cho bà T11; ngày 31/5/2021, T tiếp tục chuyển vào tài khoản Công ty số tiền 200.000.000 đồng. Sau khi T bị bắt, ông H có liên hệ Công ty cho biết vì quá tin tưởng T nên ông H đã không ký kết hợp đồng và chuyển, nộp tiền cho bộ phận kế toán công ty M3 đã chuyển vào tài khoản cá nhân của T theo yêu cầu của T. Đến nay ông H đã nộp thêm số tiền 210.000.000 đồng cho Công ty để thanh toán tiền mua xe. Hiện giao dịch mua xe của ông H đã hoàn tất, Công ty đã bàn giao xe cho vợ chồng ông H.

Kết quả xác minh tại Ngân hàng N1, phòng G2: tài khoản số 613080003000001 cấp cho Võ Minh T, sinh năm 1983. Từ ngày 05/4/2021 đến ngày 31/5/2021, tài khoản này đã nhận tổng số tiền là 490.000.000 đồng, cụ thể:

ngày 05/4/2021 nhận số tiền 10.000.000 đồng; ngày 15/4/2021, nhận số tiền 280.000.000 đồng; ngày 31/5/2021, nhận số tiền 200.000.000 đồng.

Võ Minh S2, là Phó Giám đốc Công ty TNHH MTV Ô1, khai: Võ Minh T được nhận vào làm nhân viên kinh doanh tại chi nhánh Công ty vào khoảng năm 2020, với nhiệm vụ là nhận xe ô tô từ Rạch G, Kiên Giang về Chi nhánh P4, sau đó điều phối xe cho các nhân viên kinh doanh bán.

Theo Cáo trạng số 441/CT-VKS-P3 ngày 31/8/2022 của Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh truy tố bị cáo Võ Minh T về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo điểm a khoản 4 Điều 174 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa:

- Bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi như nội dung cáo trạng đã thể hiện.
- Các bị hại có mặt tại phiên tòa đề nghị bị cáo Võ Minh T bồi thường lại số tiền còn thiệt hại cho các bị hại, trong đó ông Nguyễn Tuấn K1 yêu cầu bị cáo T bồi thường số tiền là 374.000.000 đồng.
- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đính chính về ½ trị giá xe ô tô Isuzu, mới 100%, loại QKR55H, màu trắng, số khung RLE1KR55HH7101495, số máy 3A8627 theo kết quả định giá trong tố tụng hình sự là 193.500.000 đồng và xác định lại số tiền mà bị cáo T đã chiếm đoạt của bị hại Nguyễn Tuấn K1 là 374.000.000 đồng.

Trong phần luận tội: Sau khi phân tích tính chất, mức độ hành vi phạm tội, tình tiết tăng nặng cùng các tình tiết giảm nhẹ của bị cáo, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã giữ nguyên quan điểm truy tố, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm a khoản 4 Điều 174; điểm b, s, t khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017 và tuyên phạt bị cáo Võ Minh T mức án từ 13 năm đến 14 năm tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”. Về trách nhiệm dân sự và xử lý vật chứng, Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết theo quy định của pháp luật.

- Luật sư Hồ Đình Hoàng M bào chữa cho bị cáo Võ Minh T đồng ý với tội danh và khung hình phạt mà Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh truy tố bị cáo. Luật sư chỉ nêu lên các tình tiết giảm nhẹ để Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo, đó là: bị cáo đã khắc phục một phần thiệt hại cho một số bị hại với tổng số tiền là 125.000.000 đồng; bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo tích cực hợp tác với cơ quan điều tra trong quá trình giải quyết vụ án; nhân thân bị cáo tốt, lần đầu phạm tội, hoàn cảnh của bị cáo khó khăn, con bị cáo còn nhỏ, cha mẹ già yếu và bị bệnh, phải nằm một chỗ. Từ đó, Luật sư xin Hội đồng xét xử xem xét các tình tiết giảm nhẹ theo điểm b, s, t khoản 1, khoản 2 Điều 51 và nhân thân của bị cáo để cho bị cáo hưởng mức án thấp hơn mức đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tại phiên tòa.

- Các bị hại có mặt tại phiên tòa không có ý kiến gì về tội danh và mức hình phạt mà Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đề nghị tại

phiên tòa. Các bị hại chỉ yêu cầu bị cáo hoàn trả lại số tiền đã chiếm đoạt cho các bị hại. Riêng bị hại Nguyễn Bảo L – Đại diện cho Công ty TNHH MTV B1 đề nghị Hội đồng xét xử xem xét đến thái độ thành khẩn khai báo của bị cáo để cho bị cáo hưởng mức án nhẹ hơn đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Tại phần lời nói sau cùng, bị cáo Võ Minh T xin Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo hưởng mức hình phạt nhẹ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Thành phố Hồ Chí Minh, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, Kiểm sát viên đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, luật sư bào chữa đã thực đúng quyền, nghĩa vụ theo quy định của pháp luật. Do vậy, các hành vi, các quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng là hợp pháp.

[2] Theo lời khai nhận của bị cáo, lời khai của các bị hại, các kết luận giám định cùng các chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án có đủ cơ sở xác định:

Công ty TNHH T13 (sau đây gọi tắt là Công ty T13) được thành lập năm 2016, do Võ Minh T là Giám đốc và là người đại diện theo pháp luật, trụ sở tại 302/4 Quốc lộ A, tổ D, KP1, phường T, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh, ngành nghề kinh doanh chính là mua bán xe ô tô tải các loại.

Từ tháng 7/2016 đến tháng 7/2017, bản thân T12 và Công ty T13 không sở hữu bất kỳ xe ô tô nào, hoạt động kinh doanh Công ty không có hiệu quả, T12 đang vay nợ ngoài xã hội đến hạn phải trả. Vì cần tiền để trả nợ và tiêu xài cho cá nhân nên T12 đã nảy sinh ý định chiếm đoạt tiền của khách hàng với các hình thức như sau: đại diện pháp nhân Công ty T13 ký kết các hợp đồng bán xe ô tô với Khách hàng, sau khi nhận tiền đặt cọc mua xe của khách thì chiếm đoạt, T12 không đặt mua xe tại bất kỳ nơi nào, khi đến thời hạn không có xe để giao, T12 đưa ra nhiều lý do né tránh việc hoàn trả tiền hoặc giao xe; hoặc lấy tiền khách hàng đặt mua xe, nhưng khi nhận được xe thì không giao cho khách đã đặt mà bán cho người khác; nhận tiền khách đặt mua xe rồi chiếm đoạt sử dụng cá nhân, không nộp tiền về Công ty bán xe; hoặc T12 thuê xe ô tô rồi đem xe ô tô cầm cố, bán cho người khác chiếm đoạt tiền. Cụ thể như sau:

Vào năm 2017 Võ Minh T đã chiếm đoạt 01 chiếc xe ô tô Honda City của Công ty TNHH T14 qua giám định có giá trị là 500.000.000 đồng; chiếm đoạt số tiền 300.000.000 đồng của ông Trần Anh D, chiếm đoạt 02 chiếc xe ô tô hiệu Veam, loại VT100MB và VT260MB của Công ty TNHH S3 qua định giá có tổng giá trị là 677.034.000 đồng; chiếm đoạt số tiền 450.000.000 đồng của Công ty TNHH MTV B1; chiếm đoạt của Công ty TNHH T15 ½ giá trị chiếc xe ô tô

ISUZU qua định giá có giá trị là 193.500.000 đồng; chiếm đoạt của ông Nguyễn Tuấn K1 374.000.000 đồng; chiếm đoạt của ông Nguyễn Thành P 200.000.000 đồng; chiếm đoạt của bà Võ Thùy T2 132.000.000 đồng; chiếm đoạt của ông Huỳnh Trí Q 86.000.000 đồng; chiếm đoạt của bà Nguyễn Thị Kim Y 170.000.000 đồng và chiếm đoạt của ông Nguyễn Hữu L1 140.000.000 đồng. Ngoài ra, vào tháng 6/2020, Võ Minh T khi làm việc tại Công ty TNHH MTV Ô1, tại đây T nói dối với vợ chồng ông Bùi Thanh H về việc nếu chuyển tiền vào tài khoản của T để T đứng ra giao dịch thì sẽ được khuyến mãi nhiều, tin là thật nên từ ngày 05/4/2021 đến ngày 31/5/2021, ông H chuyển vào tài khoản của T 490.000.000 đồng để thanh toán tiền mua xe nhưng T chỉ mới chuyển về cho Công ty Ô1 số tiền 210.000.000 đồng, số tiền 280.000.000 đồng còn lại thì T đã chiếm đoạt hết.

Như vậy, tổng số tiền mà Võ Minh T đã chiếm đoạt của các bị hại nêu trên là 3.667.534.000 đồng.

Với hành vi và số tiền chiếm đoạt nêu trên diễn ra trong năm 2017 và vào tháng 6/2020 của Võ Minh T nên hoàn toàn đủ cơ sở kết luận bị cáo Võ Minh T phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo điểm a khoản 4 Điều 174 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017. Cáo trạng số 441/CT-VKS-P3 ngày 31/8/2022 của Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh truy tố bị cáo là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Hành vi của bị cáo là đặc biệt nghiêm trọng, đã xâm phạm đến quyền sở hữu hợp pháp của công dân, gây mất trật tự trị an của xã hội nên cần phải xử phạt bị cáo mức hình phạt nghiêm mới bảo đảm tác dụng giáo dục riêng và phòng ngừa chung cho xã hội. Nhưng, khi quyết định hình phạt, Hội đồng xét xử xem xét đến hành vi phạm tội, tính chất, mức độ, hậu quả của hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, hoàn cảnh và nhân thân của bị cáo.

Về tình tiết tăng nặng: bị cáo đã thực hiện hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản nhiều lần nên bị áp dụng tình tiết tăng nặng theo điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự năm 2015.

Về tình tiết giảm nhẹ: bị cáo có thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; tích cực hợp tác với cơ quan điều tra trong quá trình giải quyết vụ án nên bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ theo điểm s, t khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015. Ngoài ra, bị cáo đã tự nguyện bồi thường số tiền 125.000.000 đồng cho một số bị hại nên cũng cho bị cáo hưởng thêm tình tiết này là tình tiết giảm nhẹ theo khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Như vậy, với hành vi phạm tội, tình tiết tăng nặng và các tình tiết giảm nhẹ như đã nêu ở trên, Hội đồng xét xử xét thấy cần áp dụng mức hình phạt tù có thời hạn, nằm trong khung hình phạt quy định mới đủ tác dụng giáo dục riêng bị cáo và phòng ngừa chung cho xã hội. Điều này cũng phù hợp với lời đề nghị về mức hình phạt của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tại phiên tòa.

[4] Đối với các cá nhân Tạ Hùng T7, Nguyễn Đức V là người mua và giữ 02 xe Veam của Công ty S3, hiện không rõ nơi cư trú, chưa lấy được lời khai để làm rõ việc liên quan đến vụ án, đã ra thông báo truy tìm, khi nào có thông tin. Do đó, cần tiếp tục làm rõ, nếu có cơ sở thì xử lý theo quy định của pháp luật.

Đối với các cá nhân Võ Hồ Thanh N, Phạm Thị Thùy T10, Hoàng Thị S1 là nhân viên của Công ty T13 làm công ăn lương, ký tên và liên hệ khách hàng thông qua yêu cầu của Võ Minh T, hiện không rõ lai lịch, Cơ quan điều tra không xem xét xử lý hình sự nên Tòa án không xem xét.

[5] Về trách nhiệm dân sự:

- Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị hại yêu cầu bị cáo Võ Minh T bồi thường số tiền thiệt hại còn lại. Xét thấy, Võ Minh T đã chiếm đoạt tiền của các bị hại và trong quá trình điều tra T đã hoàn trả cho một số bị hại với tổng số tiền là 125.000.000 đồng, do đó cần buộc bị cáo T phải bồi thường số tiền còn lại cho những bị hại như sau:

- Bồi thường cho ông Trần Anh D số tiền 300.000.000 đồng.
- Bồi thường cho Công ty TNHH S3 số tiền 677.034.000 đồng.
- Bồi thường cho Công ty TNHH MTV B1 số tiền 445.000.000 đồng.
- Bồi thường cho ông Nguyễn Tuấn K1 số tiền 374.000.000 đồng.
- Bồi thường cho ông Nguyễn Thành P số tiền 195.000.000 đồng.
- Bồi thường cho bà Võ Thùy T2 số tiền 127.000.000 đồng.
- Bồi thường cho ông Huỳnh Trí Q số tiền 81.000.000 đồng.
- Bồi thường cho bà Nguyễn Thị Kim Y số tiền 75.000.000 đồng.
- Bồi thường cho Công ty TNHH C1 số tiền 65.000.000 đồng.
- Bồi thường cho ông Lê Minh P1 số tiền 95.000.000 đồng.
- Bồi thường cho ông Nguyễn Hữu L1 số tiền 135.000.000 đồng.
- Bồi thường cho ông Bùi Thanh H số tiền 280.000.000 đồng.

- Công ty TNHH C2 có nhận chuyển khoản 30.000.000 đồng của Công ty T13 để nộp tiền cọc đóng thùng chuyên dùng cho xe ô tô Hyundai HD72 theo hợp đồng cung cấp số 82/2016/HĐMB-KD, ngày 01/8/2016, với trị giá 95.000.000đ (bao gồm thuế GTGT). Tuy nhiên sau khi thực hiện xong, ông H6 đã yêu cầu T đem xe đến để ráp thùng, nhưng T không thực hiện và đến nay T vẫn chưa thanh toán số tiền còn lại 65.000.000đ cho Công ty C2. Xét thấy, giao dịch nêu trên là giao dịch dân sự, không liên quan đến hành vi phạm tội của bị cáo nên Tòa án không xem xét giải quyết.

- Đối với việc bà Nguyễn Thị Hồng K3 thuê xe ô tô Kia Morning, biển số 51F-608.95 và đặt cọc 100.000.000 đồng cho Võ Minh T. Đến ngày 28/7/2017, bà K3 trả lại xe ô tô Kia Morning cho T, nhưng T chỉ mới hoàn trả cho bà K3 số tiền 45.000.000 đồng, còn lại 55.000.000 đồng thì T cam kết trả góp và tại phiên

tòa bà K3 không yêu cầu T phải trả số tiền còn lại nêu trên nên Tòa án không xem xét giải quyết.

[6] Về xử lý vật chứng:

Ngày 20/6/2018, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Thành phố Hồ Chí Minh có Công văn số 2791/PC46-Đ9 về việc hỗ trợ truy tìm vật chứng vụ án, nếu phát hiện sự việc đăng ký sang tên đổi chủ sở hữu thì tiến hành tạm giữ đối với phương tiện là 04 xe ô tô có đặc điểm sau đây:

+ Đối với 01 xe ô tô Honda City màu trắng, biển số 51F-349.67, số khung RLHGM6662FY600496, số máy L15Z1-2300496 do ông Trần Văn T5 đứng tên sở hữu. Quá trình điều tra đã thu hồi trả lại xe cho ông T5 (Công ty T14).

+ Đối với 02 xe ô tô tải hiệu VEAM (01 xe loại VT100MB, màu xanh, số khung RN1A1B1C7FLC02029, số máy: D4BFF810160 và 01 xe loại VT260MB, số khung RN1D1B1B6HLM02405; số máy: D4BHG828921) do Công ty T13 mua từ Công ty S3: quá trình điều tra đã xác định 02 xe ô tô này Công ty T13 đã bán cho ông Tạ Hùng T7 và ông Nguyễn Đức V, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Thành phố Hồ Chí Minh đã đăng báo truy tìm người đối với ông T7 và ông V, nhưng chưa có kết quả nên chưa có căn cứ để giải quyết.

+ Đối với 01 xe ô tô hiệu ISUZU, loại QKR55H, màu trắng, số khung RLE1KR55HH7101495; số máy: 3A8627 của Công ty TNHH T15: Võ Minh T dùng tư cách pháp nhân Công ty T13 mua xe của Công ty T15 rồi bán và giao xe này cho ông Nguyễn Văn T3, nhưng do T chưa thanh toán đủ tiền theo hợp đồng mua bán với Công ty T15 nên T không nhận được hồ sơ gốc của xe. Quá trình điều tra, giữa Công ty T15 và ông Nguyễn Văn T3 đã thỏa thuận về việc ông T3 trả thêm cho Công ty T15 số tiền 130.000.000 đồng để nhận bộ giấy tờ gốc của xe. Sau đó ông T3 nhờ bà Nguyễn Thị C và ông Nguyễn Văn T8 đứng tên làm thủ tục đăng ký xe vì ông T3 không có hộ khẩu thường trú tại Thành phố Hồ Chí Minh và ngày 16/01/2018, Phòng C3 cấp Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 339857, cấp cho bà Nguyễn Thị C và ông Nguyễn Văn T8 đứng tên sở hữu xe ô tô, mang biển số 51C-969.36. Đến tháng 7/2020, ông T3 đã chuyển nhượng xe ô tô này cho ông Nguyễn Trường S theo Hợp đồng ủy quyền ngày 11/7/2020, do Văn phòng C4 chứng nhận. Tiếp đó, ngày 18/8/2020, ông S đã bán lại xe ô tô này cho ông Hà Văn T4 theo Hợp đồng mua bán xe đã được Văn phòng C4 chứng nhận, nhưng khi tiến hành làm thủ tục sang tên thì được Phòng Cảnh sát giao thông Thành phố Hồ Chí Minh cho biết xe ô tô này đã bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Thành phố Hồ Chí Minh ngăn chặn theo Công văn số 2791/PC46-Đ9 ngày 20/6/2018 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Thành phố Hồ Chí Minh về việc hỗ trợ truy tìm vật chứng của vụ án.

Xét thấy, về trách nhiệm hình sự, mặc dù Công ty T15 không yêu cầu bị cáo Võ Minh T bồi thường $\frac{1}{2}$ trị giá chiếc xe ô tô hiệu ISUZU, loại QKR55H, màu trắng, số khung RLE1KR55HH7101495; số máy: 3A8627 nhưng hành vi lừa dối để chiếm đoạt $\frac{1}{2}$ giá trị xe của Công ty T15 là hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản nên bị cáo T đã bị truy tố về hành vi này. Về trách nhiệm dân sự, phía Công ty

T15 không yêu cầu bị cáo bồi thường, thực tế Công ty T15 đã thỏa thuận trực tiếp với khách hàng của T là ông Nguyễn Văn T3 về việc ông T3 thanh toán thanh toán thêm số tiền 130.000.000 đồng để nhận hồ sơ gốc của xe. Và ông T3 đã thanh toán tiền, nhận hồ sơ gốc, đăng ký sở hữu xe, rồi sau đó ông T3 bán lại xe cho ông Nguyễn Trường S, tiếp đó ông S lại bán xe này cho ông Hà Văn T4. Do vậy, các giao dịch giữa Công ty T15 với ông T3, giữa ông T3 với ông S và giữa ông S với ông T4 là tự nguyện, không trái pháp luật nên cần giải tỏa hiệu lực của Công văn số 2791/PC46-Đ9 ngày 20/6/2018 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Thành phố H về việc hỗ trợ truy tìm vật chứng của vụ án đối với chiếc xe ô tô hiệu ISUZU, loại QKR55H, màu trắng, số khung RLE1KR55HH7101495; số máy: 3A8627 để ông Hà Văn T4 liên hệ với cơ quan có thẩm quyền tiến hành các thủ tục đăng ký quyền sở hữu đối với chiếc xe ô tô hiệu ISUZU, loại QKR55H, màu trắng, số khung RLE1KR55HH7101495; số máy: 3A8627 theo quy định của pháp luật.

- Đối với 01 xe gắn máy nhãn hiệu: SYM, số loại: ATILLA, biển số: 59V1-287.24, số khung: RLCKA12CD9D018690, số máy: VMVT3AD018690 mà Võ Minh T đã thế chấp cho Công ty T14, ngày 20/7/2019 ông Trần Văn T5 – Phó Giám đốc Công ty T14 đã giao nộp xe máy này cho Cơ quan điều tra. Qua điều tra, chiếc xe máy này được cấp cho bà Nguyễn Thị Mai H1 (bà H1 đứng tên xe thay cho bà Nguyễn Thị Ngọc H2), bà H1 xác nhận không có nhu cầu sử dụng nên đã bán lại xe máy này, nhưng đã thất lạc giấy tờ chuyển nhượng nên không nhớ đã bán cho ai. Về phía Võ Minh T khai nhận đã mua lại xe máy này tại một cửa hàng xe máy cũ, không nhớ địa chỉ cụ thể, đến nay T vẫn chưa hoàn tất thủ tục sang tên đổi chủ. Xét thấy cần trả lại cho T chiếc xe gắn máy nêu trên để T có điều kiện tiến hành các thủ tục sang tên theo quy định của pháp luật.

[7] Lập luận trên đây cũng là căn cứ để chấp nhận một phần lời trình bày của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh và một phần lời trình bày của Luật sư tại phiên tòa.

[8] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí theo quy định.

[9] Về quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo trong thời hạn luật định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ điểm a khoản 4 Điều 174; điểm s, t khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi bổ sung năm 2017;

Xử phạt: **Võ Minh T** 13 (mười ba) năm tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”. Thời hạn tù tính từ ngày 01/6/2021.

2. Căn cứ Điều 46, Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017; Điều 589 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015;

• Buộc Võ Minh T phải bồi thường cho các bị hại với số tiền như sau, ngay khi án có hiệu lực pháp luật:

- Bồi thường cho ông Trần Anh D số tiền 300.000.000 đồng (ba trăm triệu đồng);
- Bồi thường cho Công ty TNHH S3 số tiền 677.034.000 đồng (sáu trăm bảy mươi bảy triệu, không trăm ba mươi bốn nghìn đồng);
- Bồi thường cho Công ty TNHH MTV B1 số tiền 445.000.000 đồng (bốn trăm bốn mươi lăm triệu đồng);
- Bồi thường cho ông Nguyễn Tuấn K1 số tiền 374.000.000 đồng (ba trăm bảy mươi bốn triệu đồng);
- Bồi thường cho ông Nguyễn Thành P số tiền 195.000.000 đồng (một trăm chín mươi lăm triệu đồng);
- Bồi thường cho bà Võ Thùy T2 số tiền 127.000.000 đồng (một trăm hai mươi bảy triệu đồng);
- Bồi thường cho ông Huỳnh Trí Q số tiền là 81.000.000 đồng (tám mươi mốt triệu đồng);
- Bồi thường cho bà Nguyễn Thị Kim Y số tiền là 75.000.000 đồng (bảy mươi lăm triệu đồng);
- Bồi thường cho Công ty TNHH C1 số tiền là 65.000.000 đồng (sáu mươi lăm triệu đồng);
- Bồi thường cho ông Lê Minh P1 số tiền là 95.000.000 đồng (chín mươi lăm triệu đồng);
- Bồi thường cho ông Nguyễn Hữu L1 số tiền 135.000.000 đồng (một trăm ba mươi lăm triệu đồng);
- Bồi thường cho ông Bùi Thanh H số tiền 280.000.000 đồng (hai trăm tám mươi triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án nếu người có nghĩa vụ thi hành án chưa thực hiện nghĩa vụ nêu trên thì hàng tháng còn phải chịu thêm tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự năm 2008, được sửa đổi bổ sung năm 2014 (sau đây gọi tắt là Luật thi hành án dân sự) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a, Điều 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

• Ông Hà Văn T4 được quyền liên hệ với cơ quan có thẩm quyền để tiến hành thủ tục đăng ký quyền sở hữu đối với 01 (một) xe ô tô hiệu ISUZU, loại QKR55H, màu trắng, số khung RLE1KR55HH7101495; số máy: 3A8627 theo quy định của pháp luật.

• Giao trả lại cho Võ Minh T 01 (một) chiếc xe hai bánh gắn máy, nhãn hiệu: SYM, số loại: ATILLA, dung tích xi lanh: không xác định, biển số: 59V1-287.24, số khung: RLCKA12CD9D018690, số máy: VMVT3AD018690, xe đã qua sử dụng, không gương, dàn nhựa bể, xe cũ rỉ sét, máy móc bên trong không kiểm tra (theo Biên bản giao nhận tang tài vật số NK2023/088 ngày 26/12/2022 của Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh).

3. Căn cứ Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015 của Quốc hội; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí tòa án;

Án phí hình sự sơ thẩm: bị cáo phải nộp 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng).

Án phí dân sự sơ thẩm: bị cáo phải nộp 88.980.680 đồng (tám mươi tám triệu, chín trăm tám mươi nghìn, sáu trăm tám mươi đồng).

4. Căn cứ khoản 1 Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015;

Bị cáo, các bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án.

Các bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày được tổng đạt bản sao bản án.

Nơi nhận:

- TAND Tối cao; (1)
- TAND Cấp cao tại TP.HCM; (1)
- VKSND TP.HCM; (3)
- Cục THADS TP.HCM; (1)
- Sở Tư pháp; (1)
- Trại giam; (1)
- Bị cáo; (1)
- Bị hại; (14)
- Người có QL, NVLQ; (6)
- Người bào chữa; (2)
- THAHS; (1)
- P. PC 53 - CA TP.HCM; (1)
- UBND nơi bị cáo cư trú; (1)
- Lưu: VT, THS, hồ sơ. (38) (3)

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Ngô Ngọc Thắng

